

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 08/2001/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001
của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính

Căn cứ Điều 42 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về "tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính", Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định thuộc phạm vi thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước như sau:

Mục I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Bên thuê: là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản thuê cho mục đích sản xuất, kinh doanh của mình, bao gồm:

- Cá nhân có đăng ký kinh doanh;
- Hộ gia đình;
- Doanh nghiệp;
- Tổ chức khác thuộc đối tượng được vay vốn của các tổ chức tín dụng.

1.2. Tổ chức tín dụng nước ngoài: là ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế, tham gia góp vốn vào công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.

1.3. Vốn pháp định: là mức vốn điều lệ tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập công ty cho thuê tài chính.

1.4. Vốn điều lệ: là mức vốn do các tổ chức, cá nhân góp và được ghi vào vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính.

1.5. Thành viên sáng lập: là các tổ chức, cá nhân thông qua điều lệ đầu tiên của công ty cho thuê tài chính.

2. Các loại hình công ty cho thuê tài chính:

Công ty cho thuê tài chính là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là pháp nhân Việt Nam, hoạt động chủ yếu là cho thuê tài chính. Công ty cho thuê tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau:

2.1. Công ty cho thuê tài chính Nhà nước: là công ty cho thuê tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh. Việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty cho thuê tài chính Nhà nước theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Công ty cho thuê tài chính cổ phần: là công ty cho thuê tài chính được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các tổ chức và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.3. Công ty cho thuê tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng: là công ty cho thuê tài chính hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân do một tổ chức tín dụng thành lập bằng vốn tự có của mình làm chủ sở hữu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

2.4. Công ty cho thuê tài chính liên doanh: là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

2.5. Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: là công ty cho thuê tài chính được thành lập bằng vốn của một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động của công ty cho thuê tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ.

4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính được đóng góp dưới những hình thức sau:

4.1. Bằng tiền:

a) Đồng Việt Nam (VNĐ): Đối với công ty cho thuê tài chính Nhà nước, công ty cho thuê tài chính trực thuộc các tổ chức tín dụng và công ty cho thuê tài chính cổ phần, vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam.

b) Đôla Mỹ (USD): Đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, vốn điều lệ được góp bằng Đôla Mỹ.

c) Bên Việt Nam tham gia vào công ty cho thuê tài chính liên doanh có thể góp vốn điều lệ bằng Đôla Mỹ hoặc bằng Đồng Việt Nam. Trong trường hợp góp bằng Đồng Việt Nam, số tiền góp vốn điều lệ phải được quy đổi ra Đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa đồng Việt Nam với Đôla Mỹ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm góp vốn.

4.2. Bằng hiện vật: Phải là tài sản có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu và là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của công ty cho thuê tài chính (không bao gồm các tài sản dùng để cho thuê). Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp và phân chia lợi nhuận của công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài:

5.1. Tỷ lệ góp vốn điều lệ: tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong công ty cho thuê tài chính liên doanh do các bên thoả thuận và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Phần vốn góp của bên nước ngoài không được ít hơn 30% vốn điều lệ của công ty cho thuê tài chính.

5.2. Chuyển nhượng phần vốn góp:

a) Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh được quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các bên trong liên doanh, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn điều lệ theo quy định tại điểm 5.1.

b) Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài có quyền chuyển nhượng vốn của mình nhưng phải ưu tiên cho các tổ chức Việt Nam.

c) Tỷ lệ và điều kiện chuyển nhượng vốn của của công ty cho thuê tài chính liên doanh phải được quy định cụ thể trong điều lệ của công ty cho thuê tài chính và phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp phần vốn điều lệ được chuyển nhượng vượt mức quy định, việc chuyển nhượng vốn chỉ có hiệu lực sau khi được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

d) Trong trường hợp chuyển nhượng vốn của công ty cho thuê tài chính có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Phân chia lợi nhuận và mức độ chia sẻ rủi ro: Các bên tham gia công ty cho thuê tài chính liên doanh chia lợi nhuận và chịu rủi ro của công ty cho thuê tài chính liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác được quy định trong hợp đồng liên doanh.

Mục II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

ĐỐI VỚI CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH

6. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với công ty cho thuê tài chính (dưới đây gọi tắt là giấy phép):

6.1. Có nhu cầu hoạt động cho thuê tài chính trên địa bàn xin hoạt động;

6.2. Có đủ vốn pháp định được quy định tại Nghị định số 82/1998/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Vốn pháp định của công ty cho thuê tài chính cổ phần, công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng là 50 tỷ VND.

b) Vốn pháp định của công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là 5 triệu USD.

6.3. Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính;

6.4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của công ty cho thuê tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

6.5. Có dự thảo điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 2/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính và các quy định khác của pháp luật;

6.6. Có phương án kinh doanh khả thi;

6.7. Ngoài các điều kiện nêu trên, bên nước ngoài trong công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài phải:

a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện các hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động cho thuê tài chính;

b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

7. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

7.1. Đơn xin cấp giấy phép:

a) Đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký (Phụ lục 1a).

b) Đối với công ty cho thuê tài chính cổ phần: do các thành viên sáng lập hoặc người đại diện theo uỷ quyền của nhóm thành viên sáng lập ký (Phụ lục 1b).

c) Đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài: do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền hợp pháp của các bên góp vốn ký (Phụ lục 1c) .

7.2. Dự thảo Điều lệ: Điều lệ của công ty cho thuê tài chính phải có những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên và nơi đặt trụ sở chính của công ty cho thuê tài chính;

b) Thời hạn hoạt động;

c) Nội dung và phạm vi hoạt động;

d) Vốn điều lệ và phương thức góp vốn;

đ) Thẻ thức bầu, bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;

e) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc).

- g) Đại diện pháp nhân của công ty cho thuê tài chính;
- h) Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông;
- i) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm tra và kiểm toán nội bộ;
- k) Các trường hợp giải thể và thủ tục giải thể;
- l) Thủ tục sửa đổi điều lệ.

7.3. Phương án hoạt động: nêu rõ nội dung, phương thức hoạt động, địa bàn hoạt động, lợi ích đối với nền kinh tế; trong đó, xác định kế hoạch hoạt động cụ thể 3 năm đầu.

7.4. Danh sách, lý lịch (Phụ lục 2), các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty cho thuê tài chính;

7.5. Phương án góp vốn điều lệ, danh sách và cam kết về mức góp vốn điều lệ của các bên góp vốn;

7.6. Tình hình tài chính và các thông tin có liên quan về các cổ đông lớn.

7.7. Chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở của công ty cho thuê tài chính.

8. Ngoài các tài liệu theo quy định tại điểm 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng còn gồm các tài liệu sau đây:

8.1. Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức tín dụng hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền ký về nguồn và mức vốn điều lệ được cấp cho công ty cho thuê tài chính.

8.2. Các tài liệu liên quan đến tổ chức tín dụng là chủ sở hữu, bao gồm:

- a) Quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- b) Điều lệ hiện hành;
- c) Quyết định chuẩn y vốn điều lệ của Ngân hàng Nhà nước;
- d) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất.

9. Ngoài các tài liệu theo quy định tại điểm 7 Mục II Thông tư này, hồ sơ xin cấp giấy phép đối với công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài còn gồm các tài liệu sau đây:

9.1. Điều lệ của các bên góp vốn;

9.2. Giấy phép của các bên góp vốn;

9.3. Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cho thuê tài chính liên doanh hoặc công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước